

ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH TẬP GIẢI

Sưu Tập trình bày: Pháp sư Bảo Lượng-Đời Lương

QUYỂN 24

Phẩm 16: BỒ-TÁT (Phần 3)

- Giải thích: Bài kệ vốn có nay không.
- Giải thích nghĩa nếu thế gian không có Phật, thì chẳng phải không có người Nhị thừa được hai thứ Niết-bàn.
- Giải thích ý nghĩa Chiên-đà-la được Phật thọ ký.
- Xuất xứ Đức Phật tự nhận cúng dường của Thuần-đà để hóa độ, Đức Phật nhận sự cúng dường của đại chúng.
- Đức Phật nói mười ba bài kệ, cho rằng giả sử con quạ và cú tai mèo đồng ở trên một cành cây.

“Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:” Cho đến “Lại giải thích phân biệt cho ông nghe, để ông được dứt hết nghi ngờ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế là đáp câu hỏi: “Nếu ba thừa không có tánh thì làm sao nói được?” Ở trên lại nói thể của kinh nhân quả đã đồng, thường cố gắng tu hành, nhưng vẫn chưa nói về phương pháp tu. Sắp nói về năm hạnh là căn bản của tu, lại dùng mười câu hỏi để giải thích về sự nghi ngờ của Thuần-đà và Khuyên Tin. Vì sao? Vì nhân quả của kinh, về mặt lý rất mâu nhiệm, sâu xa, mà Thuần-đà đã biết trước, còn chúng đương thời thì vẫn còn nghi ngờ. Bồ-tát Văn-thù biết đại chúng vẫn còn hoài nghi, mà không thể giải quyết, nên dùng việc để hỏi Phật. Nghi rằng: “Từ duyên được pháp, đều là vô tánh. Thành quả của ba thừa đều từ duyên mà được. Nếu Phật là thường thì người Nhị thừa cũng thường. Nhị thừa vô thường, Phật cũng vô thường, nên nói rằng không có khác nhau. Ngược lại, nếu người Nhị thừa là thường, thì vì sao lạc thật sự chưa sinh, mà gọi là thọ lạc ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Từ đây cho đến đạo vô thượng hơn hết, đều là khen ngợi rộng. Vì sự lợi ích của kinh, không ngoài nhân quả. Trong bảy câu hỏi trước, bốn câu hỏi nói về lợi ích của nhân, ba câu hỏi

nói về lợi ích của quả. Một vòng nói về nghĩa, nhân quả có hai lợi ích, hoàn toàn ở văn trước. Dưới đây Bồ-tát Văn-thù lập lại hoài nghi của Thuần-đà để khen ngợi rộng, bởi con người được hiểu là do kinh này.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Điều mà Thuần-đà nghi ngờ với câu hỏi của Bồ-tát Ca-diếp, nói về ý thì đồng mà lời lẽ thì khác nhau.”

“Phật bảo: “Này người thiện nam! Tâm nghi ngờ thế nào?” cho đến “Thanh văn, Duyên giác đều có khác nhau.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Ở trên nói Tam bảo có lúc thịnh, lúc suy, dường như chẳng thường trụ, đến nỗi sinh nghi ngờ. Chính vì lẽ đó, nên Thuần-đà đã bày tỏ đồng có hoài nghi. Bồ-tát Văn-thù thuật bày để kích phát bậc đại Thánh, sẽ làm sáng tỏ Phật tánh của Ba thừa, đồng trở về một mối. Cho nên Tam bảo sẽ được hưng thịnh mà không diệt. Nếu không như vậy, thì ba thừa không có tánh làm sao đồng với vắng lặng ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nghi rằng: “Vốn không có mà nay có là pháp vô thường. Như lai là vốn không mà nay có, y cứ vào sự mà tìm cầu, lẽ ra là vô thường, vì khai sáng tông chỉ nói là thường? Vì vậy cho nên sinh nghi.

Lại, Bồ-tát Ca-diếp ở trên đã nói về ba thừa vô tánh, tức là lẽ ra không có. Nếu ba thừa kia có tánh thì lẽ ra phải thấy tác dụng. Lời nói của hai Đại sĩ dù có khác nhau, nhưng chỉ thú vẫn đồng. Dưới đây Đức Phật sẽ dẫn kệ để đáp hai nhà:

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bèn nói kệ rằng:” cho đến “Vừa có khác nhau, vừa không khác nhau.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vốn có mà nay không: là vốn có phiền não mà không có Niết-bàn. Vốn không mà nay có, là vốn không có Bát-nhã mà có phiền não. Nếu cho rằng Phật ba đời đều có phiền não thì không có việc đó. Cho nên duyên thì đồng mà lý do thì khác. Vì có phiền não nên vô thường, vì không có phiền não nên là thường.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Đem lại lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát Ca-diếp làm người đứng đầu thưa hỏi pháp, do nghĩa trên còn bí ẩn, nên phải hỏi thật sáng suốt để nhận hiểu một cách rộng hơn.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Hãy lắng nghe cho kỹ!” cho đến “Do nhân duyên nghiệp báo, nên làm cho sữa đồng một màu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trưởng giả dụ cho Đức Phật trước, bò dụ cho người tu hành. Màu sữa khác dụ cho ba thừa. Một người dụ

cho Đức Phật nay. Ba thừa đã thành Phật, báo đáp công ân của Phật trước, như việc cúng kiến. Được một thùng đựng Đại Niết-bàn. Màu trắng, dụ cho ngã, lạc, tịnh. Người ấy suy gẫm kỹ, đầy kinh ngạc. Vì sao mỗi con trong đàn bò đều khác màu mà sữa của chúng đều đồng một màu? Sẽ giải thích lý do, giả làm lời kinh ngạc, vì nhân khác mà quả một. Người này suy gẫm kỹ, nghĩa là nhân quả của tám muôn hạnh không khác nhau.”

“Này người thiện nam! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng như vậy” cho đến “Vì sao? Vì đồng dứt sạch hết phiền não.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với trước, mà màu sữa là một.”

“Mà các chúng sinh lại nói Chư Phật, Bồ-tát” cho đến “Tự hiểu rằng, màu sữa đồng một là do nhân duyên nghiệp báo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với trước, ngạc nhiên nhưng về sau thì tỏ ngộ.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Ví như quặng vàng” cho đến “Vì đã biết dứt vô lượng ức phiền não.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ trước nói nhân duyên Phật tánh đều đồng nhất. Ví dụ này nói về nhân quả Phật tánh. Nói ba thừa đồng có tánh này. Tu đạo, dứt hết kiết, rèn luyện, hun đúc mới được thành Phật. Lý này chẳng phải vốn có mà nay không, hay vốn không mà nay có.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Người nói như vậy có nhiều lỗi lầm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sắp hỏi về sự khác nhau, ở trước thưa hỏi không có khác nhau, nghĩa là về nhân cũng “Có”, quả cũng “Có”, nghĩa “Có” không khác nhau, thì có gì khác nhau? Chúng sinh “Có” tánh, giống như mình “Có”, sinh ra lời hỏi này.”

“Nếu các chúng sinh đều có Phật tánh” cho đến “Như lai Niết-bàn mà không nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu trước đã có thì được, lẽ ra là đồng, không nên có khác.”

“Này người thiện nam! Niết-bàn mà Chư Phật, Thế tôn chứng đắc” cho đến “Đại Niết-bàn, gọi là có thiện.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì chỉ có Đức Phật mới được, nên chẳng phải có trước. Nếu chẳng phải có trước thì cả hai lời hỏi đều cùng giải thích, gọi là “Có”, nghĩa hữu vi bất thiện. Ba việc vô vi, gọi là “Có” thiện.”

“Nếu thế gian không có Phật, thì chẳng phải không có người Nhị thừa” cho đến “Một Đức Phật xuất hiện ở thế gian, để khai thị ba thừa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chỉ Đức Phật có điều thiện. Chẳng phải Phật được, nghĩa là chẳng phải có thiện. Tức có một Đức Phật, nghĩa là có điều thiện khó thành, phải nhiều kiếp mới thành.

Khai thị ba thừa, nghĩa là ba chẳng phải thật có, chẳng phải trước rất ráo.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đây là nói người Nhị thừa không được nghĩa Niết-bàn. Nếu là Niết-bàn cùng cực, thì Bồ-tát rất gần. Đời không có Phật, còn không có hướng chi người Nhị thừa ư? Mà nói rằng người Nhị thừa được Niết-bàn, đó là không thật.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Căn cơ có Đại, Tiểu, đều có rộng, hẹp. Đời không có chúng sinh có tâm Đại thừa, mà vì nói quả thường, để cho thành Phật, chẳng phải không quyền nói người Nhị thừa được hai diệt vì chí họ nhỏ hẹp, phải nói quyền để dắt dẫn họ, biết được quả “Không có thật” chưa cùng cực thì đâu được trách cứ khiến cho đồng với Niết-bàn của Phật ư?”

Lại giải thích: Nếu thế gian đều không có lý thành Phật thì chẳng phải không có người Nhị thừa được hai Niết-bàn. Về lý đã không như vậy thì nên biết được người Nhị thừa quyền lập ra Tiểu quả, đâu được đồng với Phật ư?”

“Vô lượng kiếp mới có một Đức Phật ra đời”, là giải thích câu trên, nghĩa là viên giải, khó bền chắc, đảo thường dễ sinh, vì không có thiện cảm với Phật, nên Phật không thường xuất hiện. Vì căn cơ thiện ít có, nên ở vào thời kỳ có một Đức Phật xuất thế, trái với giáo hóa, mất căn cơ, động thì trải qua kiếp số làm sao nói là đại ư? Đến nỗi giáo pháp chỉ vì hấp dẫn ba thừa, nên biết tiểu quả chỉ là quyền lập bày, chứ chẳng phải “Thật”.

“Này người thiện nam! Như ông đã nói, Bồ-tát, Nhị thừa” cho đến “Vì cho nên gọi là Đại Bát-niết-bàn.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã đáp chung.”

Lại, dẫn thuyết xưa để đáp riêng lời hỏi ở trước. Thuyết xưa nói ví dụ chữ Y và giải thoát là sắc, mà người Thanh văn thì chẳng phải sắc, đã nói về nghĩa của ba việc có thiện.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Như lời Phật nói nay con mới biết, cho đến vừa sao khác, vừa không sai khác.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Xứng với hai thuyết của Phật mà

nhận hiểu.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là tánh khác nhau?” Cho đến “Các phiền não tạp nhạp cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã nói Đức Phật khác với Nhị thừa, chưa nói mỗi người đều khác, nên hỏi lại. Thanh văn như sữa, nghĩa là nhân có xa gần: Thanh văn, Bồ-tát, đối với Phật cũng vậy.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch: “Trong thành Câu-thi-na” cho đến “Tôn giả Mục-kiền-liên... đã nhanh chóng thành Phật đạo.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên đã nói nhân của Thanh văn phàm phu có gần, xa mà vui mừng Chiên-đà-la trong số một ngàn vị Phật, nhưng không nói Thanh văn, đây là nhân gần mà lại xa là sao?”

“Phật nói: Đây người thiện nam! Hoặc có Thanh văn” cho đến “Vì phát nguyện nhanh chóng, nên thọ ký cho mau thành Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hạnh có trong, ngoài. Hạnh nghiêng lệch thì chậm, hạnh phổ biến thì mau chóng, mà hạnh nghiêng lệch của Thanh văn là hạnh ngoài. Vì sao? Vì trước đó có tâm tiểu, nên phải có thời gian để dứt bỏ hạnh nghiêng lệch, còn phàm phu thì không như thế, nên mau chóng hơn.”

“Lại nữa, này người thiện nam! Ví như người buôn bán” cho đến “Người giữ gìn, che chở chánh pháp thì thọ ký cho lâu thành Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây là nói phàm phu biết Thanh văn với chí hướng nhỏ, tự khinh thường hạnh của mình. Vì vậy, nếu Đức Phật thọ ký cho mau chóng, thì phải xem xét sâu xa. Dưới đây, trong phần hợp dụ, sẽ nói về việc đó. Người buôn bán dụ cho Phật. Viên châu ngọc dụ cho công hạnh được ghi nhận. Nhà buôn dụ cho lời thọ ký. Châu pha lê, dụ cho hạnh sinh tử.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Sẽ được quyền thuộc không bao giờ hư hoại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế là đáp câu hỏi: “Các Bồ-tát làm thế nào để được quyền thuộc không hư hoại?”

Vì Thanh văn ở trên, giữ gìn chánh pháp, trang nghiêm quyền thuộc. Quyền thuộc là quả ngoài của Đức Phật, chính vì quả ngoài, nên Đức Phật khuyến tin.”

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Vì nghĩa này nên gọi là nhục nhãn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi: “Vì sao mù bẩm sinh mà làm người dẫn đường cho kẻ có mắt? Kế là, vì quả bên trong nên khuyến tin. Nếu không nhận thức được quả thường thì sẽ không

thân là nhân thường. Đối với nhân không thấy thì gọi là mù bẩm sinh, không biết chi tiết tay chân của thân mình, gọi là người không có mắt. Thường là người chưa thể thấy, là che lấp việc bên ngoài, gọi là người không có mắt.

“Này người thiện nam! Như lai thường vì” cho đến “Do nghĩa này, nên gọi là cha mẹ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Kế là đáp câu hỏi: “Thị hiện nhiều đầu là thế nào? Cúi mong Đại tiên giảng nói?” Do nói để khuyên tin, nghĩa là người giảng nói chính là Phật. Phật có Đại từ, là lời nói của cha mẹ chúng sinh nên chẳng thể không tin. “Vì sao trở xuống”. Là Phật nói bằng một âm thanh, chúng sanh, đều được nhận hiểu, chúng tỏ lòng từ.”

Lại nữa, “Này người thiện nam! Như người sinh con trai” cho đến “Mà vì chúng sinh giảng nói pháp mầu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Kế là đáp câu hỏi: “Thế nào là người nói pháp thêm lớn như trăng mới mọc”? “Đầu tiên nói pháp vô thường, về sau nói pháp Thường, giống như xem thường người, không có lòng từ với chúng sinh, chẳng phải nghĩa cha mẹ là nói không đúng, nên dùng việc cha mẹ dạy dỗ con trẻ để làm ví dụ.”

Phẩm 17: ĐẠI CHÚNG VẤN (Phần 1)

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Việc giáo hóa đã rất ráo, Phật muốn nhập Niết-bàn, đại chúng thỉnh Phật, dùng làm tên phẩm kế là, đáp câu hỏi: “Thế nào là thị hiện rất ráo Niết-bàn?”

Dưới đây, cuối cùng là năm việc dựa, năm v.v... là thể hiện nghĩa Niết-bàn, trước sau đều có một việc: Nhờ không ăn, nên không bệnh, chứng minh Đức Phật không diệt mà ứng hiện diệt, để chứng tỏ rằng, Niết-bàn là thị hiện. Trung gian mở bày ba việc, nhằm thị hiện tất cả công việc đều đã làm xong. Biết Phật thường trụ nên nói việc giáo hóa của Phật trong hiện tại đã xong. Nói hữu dư, vô dư là giáo vị lai đã xong. Thọ ký cho Bồ-tát Văn-thù v.v... là việc đã xong.

Vì năm việc trên đã rất ráo, nên Phật thị hiện nhập Niết-bàn.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ở trên nói thêm lớn như trăng mới mọc, nghĩa là trước nói, Đức Phật nói về pháp cạn, gần là nói vô thường. Ở đây nói sau cùng, giáo thường, lạc là nói thị hiện, nghĩa là nói thật

không có diệt, nhằm nói rõ nghĩa Thường trụ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đáp câu hỏi thứ hai mươi sáu. Cũng gọi là phẩm Tùy Hỷ. Văn dưới, đại chúng nghe Phật nói về nghĩa thường, tất cả đều vui mừng. Lại chép: Thuần-đà thành đạo, ta cũng tùy hỷ. Văn xuôi trước bài kệ là câu hỏi đáp. Trong bài kệ nói không diệt, là nghĩa thị hiện mới rõ ràng.”

“Bấy giờ, từ khuôn mặt Đức Thế tôn phát ra các thứ ánh sáng màu” cho đến “Thuần-đà và quyến thuộc, mang đầy đủ các thức ăn đến trước Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Ý ở chỗ Thuần-đà thúc giục cúng dường Đức Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Theo pháp của đạo Phật xưa là quá giữa ngày không ăn. Thời điểm đó đã đến! Vì không cho phát ngôn, nên Phật phát ra ánh sáng, nhằm nói rõ ý mình.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây trong văn xuôi có mười việc, đây là việc thứ nhất, là kinh gia kể lại việc Thuần-đà đã nhờ ánh sáng Phật soi chiếu, liền biết được việc ấy, nên sửa soạn vật phẩm để dâng cúng.”

“Bấy giờ có trời, người oai đức lớn” cho đến “Cùng đem cúng phẩm đến chỗ Phật để cúng dường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ánh sáng lại thôi thúc lần nữa, Thuần-đà biết lúc cúng dường đã đến, nên cảm động mà làm theo.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là việc thứ hai.”

“Bấy giờ trời, người và các chúng sinh” cho đến “Các Tỳ-kheo thọ nhận của cúng dường này.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phật không nhận, Thuần-đà không dám thỉnh nữa, nên cúi mong Đấng Đại Bi cho phép các Tỳ-kheo nhận.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là việc thứ ba.”

“Các Tỳ-kheo biết đã đến giờ ăn” cho đến “Như cõi nước An lạc ở phương Tây.”

Nhận xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là việc thứ tư, kinh gia kể lại việc các Tỳ-kheo cũng biết đã đến giờ ăn, nên bưng y bát, an lành ngồi yên.”

“Bấy giờ, Thuần-đà ở trước Phật” cho đến “Sau cùng đầy đủ Đàn ba-la-mật.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Việc thứ năm là thỉnh Phật trụ lại thế gian.”

“Bấy giờ, tất cả Đại Bồ-tát” cho đến “Chúng ta thật vô phước,

uổng công thiết cúng.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Việc thứ sáu, mừng cho Thuần-đà.”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn muốn cho tất cả” cho đến “Tự nhận phần của Thuần-đà dâng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hóa Phật không ăn, nói lên Đức Thích-ca cũng vậy, nhằm nói về nghĩa không diệt mà thị hiện diệt. Tự thọ cúng phẩm mà Thuần-đà đã lập bày, là vì người nên nhìn thấy, mới có thuyết này mà thôi, chứ không phải quyết định như vậy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Pháp thân này không có hình tượng, ứng thân, hóa thân đâu có khác. Tự nhận lãnh cúng phẩm của Thuần-đà, nghĩa là thị hiện chủ thỉnh có người, chứng tỏ Thuần-đà không khác với nguyện ở kiếp trước.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là việc thứ bảy.”

“Bấy giờ, do thần lực Phật, tám học cơm của Thuần-đà” cho đến “Đều cung cấp đầy đủ cho tất cả đại chúng trong đại hội.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là việc thứ tám, nêu lên nguyện vọng của Thuần-đà và đại chúng đều được thỏa mãn, tất cả đều vui mừng.”

“Bấy giờ, đại chúng đồng tiếp nhận Thánh chỉ của Phật” cho đến “Những thức ăn cũng không khác nhau.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là việc thứ chín, nói lên việc đại chúng tiếp nối ý chỉ của Phật, nên nghĩ rằng, Đức Phật sắp vào Niết-bàn.”

“Bấy giờ trời, người, A-tu-la...” cho đến “Chúng ta mất hẳn Đấng Điều Ngự Vô Thượng, khác nào người mù không có mắt.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là việc thứ mười, trước nêu lên hoài niệm, nay nói về phát ngôn.”

“Đức Thế tôn vì muốn an ủi” cho đến “Đây là lời thệ nguyện, trên hết của Chư Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong đây nói mười ba bài kệ, không có văn chủ đích, chính là nên bỏ bốn bài kệ trước sau, chỉ lấy bài kệ giữa. Đại ý nói về pháp thân Phật tròn đầy cùng cực, ứng mà không nhập diệt. Bốn bài kệ trước, một mặt an ủi, khuyến dụ, bốn bài kệ sau, làm cho đại chúng đều được an tâm có sự tồn tại, không nên lo buồn, tức là đáp câu hỏi về nghĩa Niết-bàn rất ráo mà Phật đã thị hiện ở trên.”

Ở trên nói thị hiện, là nói Như lai đã thành Phật từ lâu, nhập Niết-bàn đức Viên của chữ Y, nên mới nói nghĩa mâu này, sao cho đại chúng được mở mang hiểu biết, tức là thị hiện. Lại, một nghĩa khác: Đã là gốc

diệu không diệt, đây là ứng tích thì chẳng lúc nào không hóa độ, chỉ một ứng không hiện, cũng nói là nhập diệt.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Xương có mười ba bài kệ, thệ nguyện chỉ có mười hai, không biết vì lý do nào mà như vậy? Có lẽ là do sự rời rạc của kệ. Nếu không như vậy thì mười ba chữ là lầm, nên nói mười hai.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trong kệ chia thành bốn đoạn:

1. Có một hàng rưỡi, nói thị hiện nhập Niết-bàn đã lâu, thật ra vẫn tồn tại mãi.

2. Kế là, có một hàng nói vì đã được Niết-bàn, nên từ lâu không có khổ đối, khát.

3. Kế là có mười bốn hàng rưỡi, nêu nhiều ví dụ, nói nay không phải thật diệt, chỉ là thị hiện nhập diệt, tức trong mười bốn hàng này, còn có ba ý, một hàng rưỡi trước là khuyên. Mười hai hàng giữa chính thức nêu rõ chỉ thú của kệ. Một hàng sau cùng là kết đại ý khuyên.

4. Có bốn hàng, nêu Tam bảo vẫn tồn tại mãi, nói về tướng mạo Niết-bàn, có ba ý: Hai hàng đầu là khuyên, một hàng kế là nêu Tam bảo, khuyên hãy cầu mong quả thường. Một hàng sau là nêu thệ nguyện của Chư Phật, kết thành lý do của ý khuyên.”

“Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni” cho đến “Kẻ không thể quán sát rõ Tam bảo thường trụ, chính là Chiên-đà-la.”

Xét: Pháp sư Đàm Tiên nói: “Kế là đáp câu hỏi: “Thế nào là người dũng cảm, tinh tấn?” Chỉ bảo đừng ma cho trời, người biết. Nói nếu theo Phật phát thệ nguyện trước, là tức đạo trời, không hiểu nhất thể Tam bảo, thường, lạc, ngã, tịnh, gọi là đạo ma. Người Chiên-đà-la chính là kẻ giết, là lời khác của ma.”

“Nếu có người biết Tam bảo là thường trụ” cho đến “Không có ai nhiều hại, làm trở ngại.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Kế là đáp câu hỏi: “Làm sao biết được pháp tánh mà thọ pháp lạc?” Nói Tam bảo là pháp tánh chân thật, người nào biết thì mãi thọ an vui.”

“Lúc đó, cả đại chúng, trời, người, A-tu-la... ” cho đến “Đánh trống trời, kỹ nhạc trời để cúng dường Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Để đáp câu hỏi này: “Biết được pháp tánh, thọ pháp lạc là sao?” Chúng hội đương thời biết Phật thường trụ là biết pháp tánh thọ an vui, nghĩa là hiện tại hóa đạo đã xong, nên thị hiện nhập diệt.”

“Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp” cho đến “Đều biết Như lai là

pháp thường trụ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Muốn cho người nói dị kiến để làm rõ năng lực âm thầm của Như lai, đều biết sự thọ vui của pháp tánh, có hai lượt: Đây là lượt thứ nhất ở trước hỏi Bồ-tát Ca-diếp”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Căn cứ vào năm việc trong lời đáp cho Bồ-tát Ca-diếp:

1. Thấy Chư Phật rất đông.
2. Thấy chỗ ngồi rất nhỏ mà có khả năng dung nạp.
3. Thấy đại chúng đều y theo mười ba bài kệ mà Phật đã nói.
4. Thấy đại chúng đều tâm niệm rằng: “Chỉ riêng tôi được cúng dường Đức Thích-ca.”
5. Thấy phẩm vật cúng dường của Thuần-đà, dù rất ít ỏi, nhưng vẫn dâng cúng đủ cho đại chúng.”

“Đức Thế tôn bảo Thuần-đà rằng”: Cho đến “Đại Bồ-tát... cung kính vây quanh.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thuần-đà tự nhận thấy một việc, đều hợp với trước hành sáu việc. Đây là nói về việc hiện tại đã hoàn tất. Từ khi đắc đạo đến nay, đối tượng được hóa độ có thể có lợi ích, người có duyên được lợi ích, cuối cùng đều do đây.”

“Phật bảo Thuần-đà: “Vô lượng Chư Phật mà ông đã thấy” cho đến “Đã làm xong đầy đủ các công hạnh của Bồ-tát.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trên đã nêu hai lớp lược và rộng để nói về nghĩa thường. Lại đáp hơn hai mươi câu hỏi đã xong, chính là kết quả: “Thuần-đà trụ trong Địa vị Thập Trụ, hầu hết các công hạnh đã làm xong. Phải biết rằng về mặt lý, giáo, có thể biểu trưng, đâu phải chỉ nói chú Đà-la-ni mà sáu muôn bốn ngàn người liền được Vô sinh nhẫn. Vì thế, nên biết giáo xưa chắc chắn là phương tiện, giáo nay chắc chắn là chân thật. Nếu giáo xưa không thường dùng phương tiện để nói rằng: “Có người đắc đạo”, thì tâm vào đạo của người ngu, sẽ không dao động.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Nói là kinh Đại thừa Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trong lời đáp câu hỏi thứ hai mươi bảy, nói về việc vị lai đã xong, vì mở ra hai môn tà, chánh, mười việc ác là đường ma, mười điều lành là đường trời, khiến cho bỏ điều ác, thực hành các điều lành, nên nói là việc vị lai đã xong.”

